TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1201/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
Về việc "Tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2018/QĐST – HPT ngày 04/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)
HKTT: 125 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 16C5 đường DN3, phương Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 125 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày như sau:

Bà Hà Thị T và ông Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 quyển số 01 ngày 20/02/1992. Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Phạm Hà Tuấn Minh, sinh ngày 20/12/1992 và Phạm Hà Minh Hương, sinh ngày 10/10/2001.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Ông T hay nhậu say rồi chửi bởi vợ con, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Phạm Hà Tuấn Minh, sinh ngày 20/12/1992 đã trưởng thành. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và Phạm Hà Minh Hương, sinh ngày 10/10/2001. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo hòa giải và giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và tại các phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà T có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hà Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T có địa chỉ tại số 125 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Hà Thị T có "Đơn xin xét xử vắng mặt" về việc yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hà Thị T, ông Phạm Văn T.

[2]Về hôn nhân:

Căn cứ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/1992 (được sao từ sổ đăng ký kết hôn Phường 6, ngày 22/7/2005) nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị T và ông Phạm Văn T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ công văn số 134/UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết hiện tại bà T không còn chung sống với ông T tại địa chỉ 125 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm thấy sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình, vì vậy hai bên đã sống ly thân.

Đồng thời, ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà T, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và không thể hiện có thiện chí hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thêm đối với ông T.

[3] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 133, quyển số 01/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3 cấp ngày 28/12/1992 mang tên trẻ Phạm Hà Tuấn Minh, sinh ngày 20/12/1992 và giấy khai sinh số 153, quyển số 02/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3 cấp ngày 16/10/2001 mang tên trẻ Phạm Hà Minh Hương, sinh ngày 10/10/2001 có cha là ông Phạm Văn T và mẹ là bà Hà Thị T. Phạm Hà Tuấn Minh hiện nay đã trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Hương và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ nguyện vọng của cháu Phạm Hà Minh Hương khai tại Tòa án nhân dân Quận 3: cháu Hương đã ở với mẹ từ nhỏ cho đến nay, nên nguyện vọng của cháu Hương là muốn được tiếp tục ở với mẹ.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*"

Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển..."*

Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....*

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà T là người phù hợp nhất để nuôi cháu Hương, bởi lẽ bà T là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thêm về việc giao cháu Hương cho bà Thêm nuôi dưỡng.

Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà T không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T và ông Phạm Văn T.

1.1.Về hôn nhân: Bà Hà Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn T.

1.2.Về con chung: Phạm Hà Tuấn Minh, sinh ngày 20/12/1992 đã trưởng thành.

Giao con chung là trẻ Phạm Hà Minh Hương, sinh ngày 10/10/2001 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0020420 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Hà Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hà Thị T, bị đơn ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyến Đặng Thị Ngọc Hằng Bùi Duy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy